

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3941 2626

Fax: (04) 3934 7818

Website: <http://www.hnx.vn/>

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

Địa chỉ: Phố Phú Hà, Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú

Thọ Điện thoại: 0210 371 3941

Fax: 0210 371 3964

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12 & 17, Tòa Vietcombank, 198 Trần Quang

Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6426

Fax: (04) 3936 0262

Website: <http://www.vCBS.com.vn/>

Hà Nội, tháng 4 năm 2014

CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1816000013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 01/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 mã số 2600357502-003 ngày 06/01/2012

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

Tên công ty : Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
Vốn điều lệ : 14.810.000.000 đồng, tương đương 1.481.000 cổ phần

Thông tin về đợt chào bán

Tên cổ phần chào bán : Cổ phần Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán : 1.403.200 cổ phần (tương đương 94,7% vốn điều lệ)
Tổng giá trị chào bán: 14.032.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG
VIỆT NAM**



Địa chỉ: Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6426

Fax: (04) 39360262

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà HL, 82 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04)37557 446

Fax:(04)37557 448

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	6
1.	Tổ chức phát hành	6
2.	Cơ cấu chào bán và phương thức thanh toán.....	6
2.1	Phương thức bán.....	6
2.2	Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	7
3.	Cổ phiếu chào bán đầu giá.....	7
4.	Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua	7
5.	Thời gian và địa điểm thực hiện	8
II.	CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH.....	8
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	9
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	9
2.	Tổ chức phát hành	9
3.	Tổ chức tư vấn	9
IV.	CÁC TỪ VIẾT TẮT	10
V.	THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	11
1.	Thông tin chung.....	11
2.	Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.....	11
3.	Lịch sử hình thành và phát triển	11
4.	Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty	12
4.1	Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của công ty	12
4.2	Nhân sự.....	13
5.	Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	14
6.	Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	16
6.1	Tài sản cố định.....	16
6.2	Đất đai sử dụng.....	16
7.	Danh sách những công ty mẹ, công ty con:.....	17
8.	Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa	17
8.1	Tình hình sản xuất kinh doanh	17
8.1.1	Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ qua các năm	17
8.1.2	Nguyên vật liệu.....	19
8.1.3	Chi phí sản xuất.....	19
8.1.4	Trình độ công nghệ.....	19
8.1.5	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	20
8.1.6	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ	20
8.1.7	Hoạt động Marketing.....	20
8.1.8	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền	20
8.1.9	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	20
8.2	Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	21
8.3	Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	23
9.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	23
9.1	Vị thế của công ty trong ngành.....	23
9.2	Triển vọng phát triển của ngành	24
9.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	25

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA ...	25
1. Thông tin công ty cổ phần	25
2. Hình thức pháp lý	25
3. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	25
4. Cơ cấu tổ chức	26
5. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa	31
5.1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược	31
5.2. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa	31
5.3. Biện pháp thực hiện	36
a) Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm	36
b) Nhóm giải pháp marketing	36
c) Nhóm giải pháp về đầu tư	36
d) Nhóm giải pháp về vốn, tài chính	38
e) Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực	39
f) Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp	39
6. Vốn điều lệ công ty cổ phần	40
6.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ	40
6.2. Quy mô vốn điều lệ	40
6.3. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	41
7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	41
7.1. Chi phí cổ phần hóa dự kiến	41
7.2. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần	42
8. Rủi ro dự kiến	43
8.1. Rủi ro về kinh tế	43
Rủi ro tăng trưởng và lạm phát	43
8.2. Rủi ro về luật pháp	44
8.3. Rủi ro cạnh tranh	45
8.4. Rủi ro của đợt chào bán	45
8.5. Rủi ro khác	45
9. Thay lời kết	46

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 1/10/2013	13
Bảng 2: Giá trị thực tế của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013	14
Bảng 3: Thực trạng tài sản doanh nghiệp	16
Bảng 4: Thực trạng đất đai sử dụng	17
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2011 - 2013	17
Bảng 6: Doanh thu, lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2011-2013	18
Bảng 7: Cơ cấu chi phí	19
Bảng 8: Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	20
Bảng 9: Kết quả kinh doanh 2011-2013	21
Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính.....	22
Bảng 11: Dự kiến kết quả kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa	33
Bảng 12: Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị (giai đoạn 1).....	37
Bảng 13: Kế hoạch đầu tư sản xuất viên năng lượng (giai đoạn 2).....	37
Bảng 14: Nhu cầu vốn lưu động 3 năm 2014-2016.....	38
Bảng 15: Quy mô vốn điều lệ của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản giai đoạn 2014 – 2016	40
Bảng 16: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	41
Bảng 17: Chi phí cổ phần hóa	41
Bảng 18: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần	42

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa.....	13
Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Lâm sản	31

I. THÔNG TIN VỀ VIỆC BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản
- Tên giao dịch Quốc tế: Forest Products Processing, Transport, Trade Joint Stock Company
- Địa chỉ: Phố Phú Hà, Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 0210 3713941
- Fax: 0210 3713964
- Tài khoản số: 42210000076307 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Thọ - Phòng giao dịch Hùng Vương
- Người đại diện trước pháp luật: Ông Trịnh Quốc Long - Giám đốc Công ty
- Vốn điều lệ Công ty Cổ phần: 14.810.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần: 1.481.000 cổ phần

Trong đó:

- + Số CP Nhà nước nắm giữ: 0 cổ phần (0% vốn điều lệ)
- + Số CP bán ưu đãi cho CBCNV: 77.800 cổ phần (5,3% vốn điều lệ)
- + Số lượng CP đấu giá công khai: 1.403.200 cổ phần (94,7% vốn điều lệ)

2. Cơ cấu chào bán và phương thức thanh toán

2.1 Phương thức bán

TT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ so với VDL	Phương thức bán	Giá bán
1	Nhà nước	0	0%	-	-
2	CBCNV	77.800	5,3%	Chào bán trực tiếp cho CBCNV có tên trong danh	60% giá đấu thành công thấp

				sách lao động thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (01/10/2013).	nhất của cuộc đấu giá công khai
3	Các nhà đầu tư qua đấu giá	1.403.200	94,7%	Bán đấu giá công khai tại SGDCK HN. Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phiếu	Theo giá đấu thực tế thành công
	Tổng cộng	1.481.000	100%		

2.2 Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- **Đối với cổ phần bán đấu giá công khai:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản”;
- **Đối với cổ phần chào bán cho người lao động:** Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần sẽ theo quy định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản.

3. Cổ phiếu chào bán đấu giá

- Số lượng cổ phần chào bán: 1.403.200 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán: Chào bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước cổ phần hóa theo phương thức đấu giá qua tổ chức trung gian tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

4. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua

- Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản
- Số lượng cổ phần đặt mua tối thiểu: 100 cổ phần
- Số lượng đặt mua tối đa: 1.403.200 cổ phần

- Số lượng đặt mua: Theo bội số 100
- Đặt cọc: Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Bước giá: 100 đồng

5. Thời gian và địa điểm thực hiện

- **Thời gian và địa điểm nhận phiếu đấu giá:** được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản;
- **Thời gian tổ chức đấu giá:** được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản;
- **Địa điểm tổ chức đấu giá:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- **Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc:** được quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Quyết định số 895/QĐ-UBCK ngày 29 tháng 10 năm 2012 về việc Ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán;
- Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty Nhà nước;

- Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 22/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 129/QĐ-GVN.HN ngày 26/4/2013 của Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Giấy Việt Nam;
- Quyết định số 132/QĐ-GNV.HN ngày 06/5/2013 của Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản;
- Quyết định số 338/QĐ-GNV.HN ngày 24/9/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc phê duyệt chỉ định các đơn vị tư vấn để cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản và Công ty Thiết kế Lâm nghiệp thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam;
- Quyết định số 40/QĐ-GVN.HN ngày 06/02/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản;
- Quyết định số 54/NQ-GVN.HN ngày 14/03/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản thành công ty cổ phần.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông : **Hoàng Quốc Lâm**

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam -
Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

2. Tổ chức phát hành

Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản

Ông : **Trịnh Quốc Long** Chức vụ : **Giám đốc**

Bà : **Đỗ Thị Bích Lan** Chức vụ : **Kế toán trưởng**

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa, trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

3. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Ông : **Vũ Quang Đông** Chức vụ : **Giám đốc**

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản do Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 38/2013/VCBS-TVTCĐN ký giữa Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản và Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản cung cấp. Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo.

IV. CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CPH	Cổ phần hóa
CTCP	Công ty cổ phần
Đvt	Đơn vị tính
Ha	Hecta
HĐQT	Hội đồng quản trị
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NLG	Nguyên liệu giấy
NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TM	Thương mại
TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân
Vận tải và Chế biến lâm sản, Công ty, Doanh nghiệp	Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
SGDCKHN	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
WTO	World Trade Organisation - Tổ chức thương mại thế giới

XDGTDN
WTO

Xác định giá trị doanh nghiệp
Tổ chức thương mại Thế giới

V. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
- Tên viết tắt: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
- Trụ sở chính: Phố Phú Hà - Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 0210 3713941
- Fax: 0210 3713964
- Email: chebienlamsan.08@gmail.com
- Mã số thuế: 2600357502-003
- Người đại diện: Ông Trịnh Quốc Long - Giám đốc Công ty
Bà Đỗ Thị Bích Lan - Kế toán trưởng.

2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600357502-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 01/07/2005, thay đổi lần thứ 4 ngày 06/01/2012, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng cây nguyên liệu giấy;
- Thu mua nguyên liệu giấy;
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm về giấy;
- Chế biến gỗ, sản xuất ván dăm ép, dăm mảnh, xén kẻ giấy;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải, vật tư) đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải);
- Kinh doanh xăng, dầu;
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe máy (phương tiện thiết bị vận tải);
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm vật tư xây dựng (thiết bị vệ sinh, xi măng, sắt thép, các loại gạch, cát...);
- Cho thuê văn phòng.

3. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1088/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên) Tổng công ty Giấy Việt Nam ngày 27/6/2005 trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị: Xí nghiệp Vận tải và Xí nghiệp Vận tải và Chế biến Lâm sản thuộc Công ty Giấy Bãi Bằng. Trụ sở Văn phòng của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản khi mới thành lập đóng tại Khu 10 Xã Phù Ninh - Huyện Phù Ninh -Tỉnh Phú Thọ.

Ngày 05 tháng 4 năm 2007 Tổng công ty Giấy Việt Nam có Quyết định số 209/QĐ- GVN.HN V/v thành lập xí nghiệp Vận tải là đơn vị hạch toán báo sổ thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam trên cơ sở tách bộ phận Vận tải ra khỏi Công ty Vận tải & Chế biến Lâm sản kể từ ngày 01/4/2007.

Ngày 30 tháng 01 năm 2008 Tổng công ty Giấy Việt Nam có Quyết định số 201/QĐ- GVN.PT V/v chuyển trụ sở làm việc của Công ty từ Khu 10 Xã Phù Ninh - Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ đến địa điểm mới: Cầu Trắng - Phố Long Xuyên - Phường Hùng Vương - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ.

Đến ngày 12/11/2010 Tổng công ty Giấy Việt Nam có Quyết định số 972/QĐ- GVN.PT V/v chuyển trụ sở làm việc của Công ty từ Cầu Trắng - Phố Long Xuyên - Phường Hùng Vương - Thị Xã Phú Thọ- Tỉnh Phú Thọ đến địa điểm mới Phố Phú Hà - Phường Phong Châu - Thị xã Phú Thọ- Tỉnh Phú Thọ.

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản là công ty con của Tổng công ty giấy Việt Nam, hoạt động phụ thuộc vào Công ty mẹ, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Tổng công ty Giấy Việt Nam.

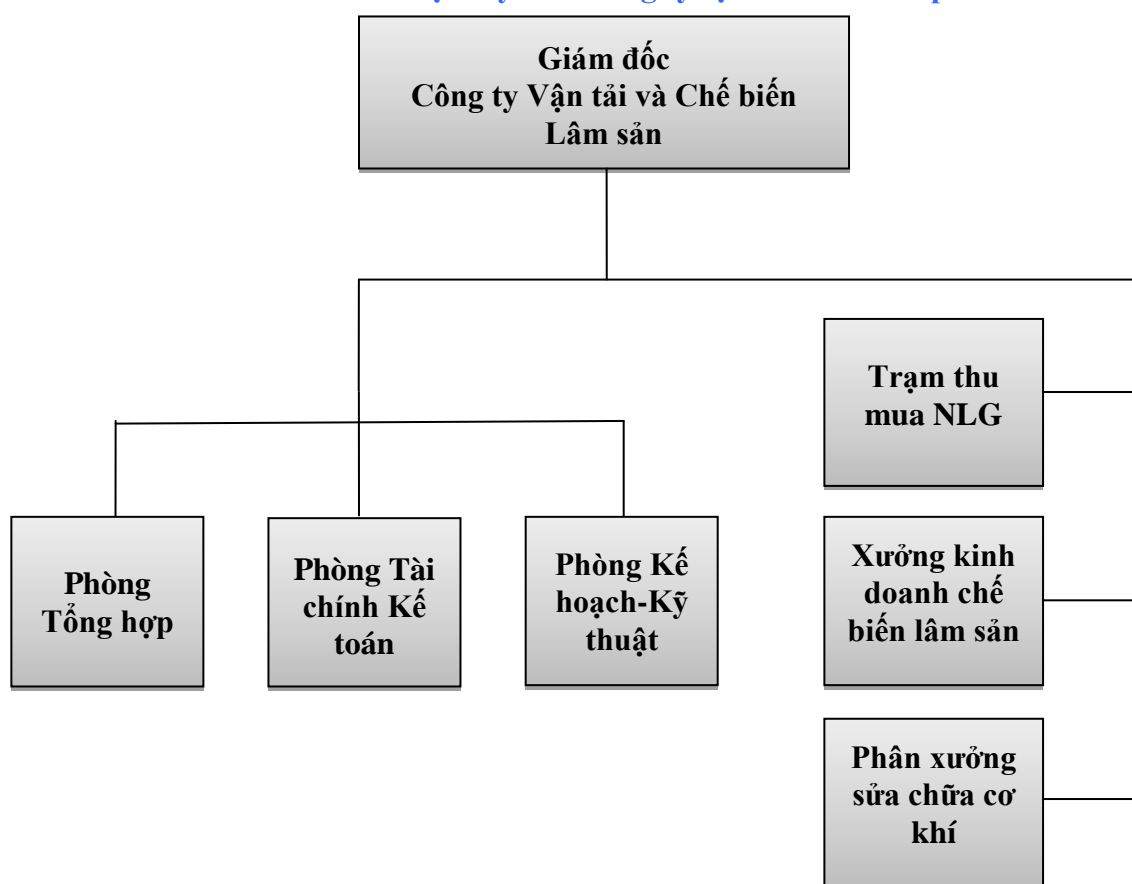
Từ đó đến nay Công ty đã tương đối ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

4. Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty

4.1 Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của công ty

- Ban Giám đốc: 01 người
- Kế toán trưởng: 01 người
- Các phòng ban tham mưu giúp việc gồm:
 - o Phòng Tổng hợp: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về các mặt tổ chức, hành chính, pháp lý, lao động, tiền lương, bảo vệ;
 - o Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật: Tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực: Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác kỹ thuật, an toàn lao động, mua sắm vật tư phụ tùng, marketing nhằm khai thác có hiệu quả các loại phương tiện vận tải, bốc dỡ và kinh doanh vận chuyển, thu mua, chế biến lâm sản theo nhu cầu của thị trường;
 - o Phòng Tài chính Kế toán có chức năng (i) tham mưu cho lãnh đạo công ty những nội dung về quản lý kinh tế tài chính, công tác kế toán thống kê trong Công ty, (ii) chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động về tài chính, kế toán, thống kê trong Công ty theo nội dung phân cấp của Tổng công ty Giấy Việt Nam và chế độ quản lý tài chính kế toán nhà nước, (iii) quản lý về nghiệp vụ nhân viên kế toán thống kê toàn Công ty và (iv) chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ kế toán trưởng cấp trên.
- Các đơn vị trực thuộc gồm các đơn vị:
 - o Trạm thu mua nguyên liệu giấy tại xã Tiên Du - Phù Ninh - Phú Thọ;
 - o Xưởng kinh doanh chế biến lâm sản & giấy tại Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ;
 - o Phân xưởng sửa chữa cơ khí tại khu 10 xã Phù Ninh - Phù Ninh - Phú Thọ.

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa



4.2 Nhân sự

Bảng 1: Lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/10/2013

TT	Nội dung	Số lượng	Đvt
	Tổng số lao động của Công ty:	52	người
	Trong đó:		
I	<i>Phân theo trình độ:</i>		
	Trình độ Đại học và trên Đại học	11	người
	Trình độ cao đẳng, trung học	09	người
	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	18	người
	Lao động kèm cặp đào tạo nghề tại Công ty	14	người
II	<i>Phân theo hợp đồng lao động</i>		
	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	46	người
	Hợp đồng lao động thời hạn từ 1-3 năm	0	người

	Hợp đồng lao động thời hạn dưới 1 năm	6	người
	Không ký hợp đồng lao động	0	người
III	Phân theo giới tính		
	Nam	36	người
	Nữ	16	người

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Số lao động của Công ty chuyển sang Công ty cổ phần: 33 người

5. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013 như sau:

Bảng 2: Giá trị thực tế của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) – (3)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	14.636.609.487	14.667.209.562	16.749.235.762	2.082.026.200
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	7.422.354.357	7.422.354.357	9.461.181.068	2.038.826.711
1. Tài sản cố định	7.422.354.357	7.422.354.357	9.461.181.068	2.038.826.711
a. Tài sản cố định hữu hình	7.422.354.357	7.422.354.357	9.461.181.068	2.038.826.711
b. Tài sản cố định vô hình	0	0	0	0
c. Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	-	0
2. Bất động sản đầu tư	0	0	-	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	-	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	-	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	0	0	-	0

7. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
8. Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	7.214.255.130	7.244.855.205	7.268.319.368	23.464.163
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.769.181.885	3.769.181.885	3.769.181.353	468
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
3. Các khoản phải thu	2.669.247.326	2.699.847.401	2.699.847.326	-75
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	252.696.919	252.696.919	252.696.919	0
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	523.129.000	523.129.000	546.592.770	23.463.770
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	0	0	19.735.326	19.735.326
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
1. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	14.636.609.487	14.667.209.562	16.749.235.762	2.082.026.200
Trong đó:				
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP	14.636.609.487	14.667.209.562	16.749.235.762	2.082.026.200
E1: Nợ thực tế phải trả	1.938.914.462	1.938.914.462	1.938.914.462	0
E2: Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	0
E3: Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0	0

TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(E1+E2+E3))	12.697.695.025	12.728.295.100	14.810.321.300	2.082.026.200
---	-----------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------

Nguồn: Báo cáo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

6.1 Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 01/10/2013) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 3: Thực trạng tài sản doanh nghiệp

Đvt: đồng

Loại Tài sản	Giá trị theo sổ sách tại 01/10/2013			Giá trị thực tế theo kết quả XĐGTDN 01/10/2013		Chênh lệch GTCL giữa giá trị xác định lại và giá trị sổ sách
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá xác định lại	Giá trị còn lại	
A. TSCĐ đang dùng	12.730.161.468	5.307.807.111	7.422.354.357	17.227.351.178	9.461.181.068	2.038.826.711
1. TSCĐ hữu hình	12.730.161.468	5.307.807.111	7.422.354.357	17.227.351.178	9.461.181.068	2.038.826.711
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.774.915.987	652.482.684	5.122.433.303	8.280.603.618	6.452.202.624	1.329.769.321
- Máy móc thiết bị	573.714.975	570.286.941	3.428.034	573.714.975	131.197.541	127.769.507
- Phương tiện vận tải	4.727.135.745	3.791.896.063	935.239.682	6.718.637.824	1.516.527.565	581.287.883
- TS cố định khác	1.654.394.761	293.141.423	1.361.253.338	1.654.394.761	1.361.253.338	0
2. TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0	0
- Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0	0	0	0
B. TSCĐ chờ thanh lý	0	0	0	0	0	0

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

6.2 Đất đai sử dụng

Diện tích các khu đất Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản hiện đang quản lý, sử dụng như sau:

Bảng 4: Thực trạng đất đai sử dụng

TT	Vị trí	Diện tích (m2)	Mục đích đang sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Phố Phú Hà, Phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	10.113	Trụ sở làm việc xưởng sản xuất	Thuê đất thời hạn 30 năm từ 01/01/1996, trả tiền hàng năm
2	Phố Long Xuyên, Phường Hùng Vương, Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	3.101	Xưởng sản xuất + cửa hàng	Thuê đất thời hạn 30 năm từ 01/01/1996, trả tiền hàng năm
3	Xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	500	Trạm thu mua nguyên liệu	Đang hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

7. Danh sách những công ty mẹ, công ty con:

Không có

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

8.1 Tình hình sản xuất kinh doanh

8.1.1 Sản lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ qua các năm

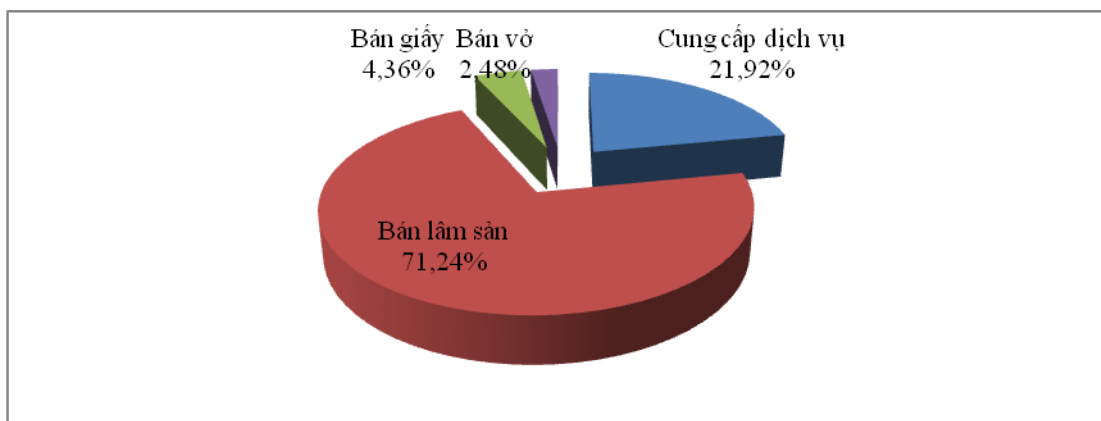
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2011 - 2013

Đvt: đồng

T T	Tên dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Cung cấp dịch vụ	6.465.159.479	42,42%	6.172.952.479	41,95%	6.940.371.438	21,29%
2	Bán lâm sản	6.461.873.730	42,40%	6.965.206.240	47,33%	22.556.207.173	71,24%
3	Bán giấy	1.692.524.360	11,11%	1.348.818.576	9,17%	1.380.475.341	4,36%
4	Bán vớ	619.503.224	4,07%	229.140.985	1,56%	785.224.506	2,48%
	Tổng cộng	15.239.060.793	100%	14.716.118.280	100%	31.662.278.458	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011-2012 và BCTC năm 2013

Cung cấp dịch vụ và bán lâm sản là hai hoạt động cốt lõi đem lại doanh thu chính cho Công ty, với tỷ trọng xấp xỉ nhau trong năm 2011 và 2012. Sang năm 2013, hoạt động bán lâm sản tăng mạnh, chiếm 71,2% trên tổng doanh thu. Nguyên nhân là do để duy trì hoạt động của doanh nghiệp, ban lãnh đạo đã chuyển hướng sang lĩnh vực gia công giấy cho Tổng công ty, thuê mặt bằng tập trung sản xuất chế biến dăm gỗ. Trong khi đó, kinh doanh dịch vụ bị thu hẹp (chiếm 21,9% tổng doanh thu). Nguyên nhân là do Công ty thiếu năng lực thiết bị để phục vụ cho hoạt động kinh doanh vận tải và sửa chữa cơ khí, theo đó khả năng cạnh tranh tương đối thấp trong điều kiện thị trường thay đổi.



Nguồn: Vận tải và Chế biến Lâm sản

Hoạt động bán giấy, vờ chiếm phần nhỏ trong cơ cấu doanh thu (lần lượt là 4,4% và 2,5%), và có xu hướng giảm dần qua các năm. Trước đây, Công ty nhận gia công vờ cho Tổng công ty Giấy Việt Nam; tuy nhiên, từ năm 2012 đơn vị phải tự sản xuất và tiêu thụ giấy vờ. Theo đó, trong năm 2012 Công ty chỉ sản xuất được 30 tấn vờ và hoạt động này tiếp tục bị thu hẹp trong năm 2013 do không cạnh tranh được trên thị trường.

Lợi nhuận gộp

Bảng 6: Doanh thu, lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2011-2013

Đvt: đồng

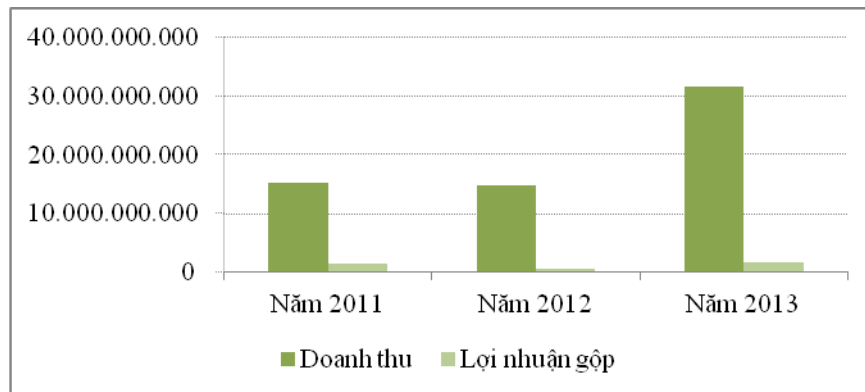
Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Doanh thu	15.235.558.532	14.716.118.280	31.662.278.458
Lợi nhuận gộp	1.454.791.713	578.346.716	1.692.833.786
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,55%	3,93%	5,35%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011-2012 và BCTC năm 2013

Doanh thu của Công ty có xu hướng tăng trong năm 2013. Theo đó, lợi nhuận gộp cũng tăng mạnh, năm 2013 tăng 192,7% so với cuối năm 2012. Trong đó, bán lâm sản chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 70%; tiếp theo là cung cấp dịch vụ, đóng góp 20%; còn lại là bán giấy và bán vờ chiếm 10% trong tổng lợi nhuận của Công ty.

Biểu đồ thể hiện doanh thu và lợi nhuận gộp giai đoạn 2011-2013

Đơn vị tính: đồng



8.1.2 Nguyên vật liệu

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển và chế biến các mặt hàng lâm nghiệp, nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là bột gỗ, gỗ vụn thu mua từ các đơn vị lâm nghiệp trong vùng thuộc Tổng Công ty, với khối lượng và đơn giá thỏa thuận giữa các bên. Hiện nay nguồn gỗ đang dần khan hiếm, nên nguồn nguyên liệu đầu vào sẽ không duy trì được sự ổn định. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó các chi phí về nhiên liệu, vật tư ... lại có tác động trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp vận tải.

8.1.3 Chi phí sản xuất

Trong các loại chi phí của Vận tải và Chế biến Lâm sản, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trên tổng doanh thu và tăng mạnh qua các năm, dao động từ 90%-95%, trong khi chi phí bán hàng không có do Công ty có đối tác mua hàng hầu hết là các đơn vị thuộc Tổng công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng 13% tổng doanh thu trong năm 2010 và giảm còn 6,2% trong năm 2013. Công ty không vay nợ, do đó chi phí tài chính của công ty bằng không. Nhìn chung, sự gia tăng từ chi phí khiến lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012 và 2013 ghi nhận lỗ.

Bảng 7: Cơ cấu chi phí

Đvt: nghìn đồng

Yếu tố Chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
Giá vốn hàng bán	13.781	90,45	14.138	96,07	29.969	94,65
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.624	10,66	1.962	13,33	1.949	6,16
TỔNG	15.405	101,11	16.100	109,40	31.918	100,81

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011-2012 và BCTC năm 2013

8.1.4 Trình độ công nghệ

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty không đòi hỏi nhiều chất xám, theo đó lao động phần lớn là công nhân có trình độ thấp, hoạt động trong xưởng cơ khí, cơ sở sản xuất dầm mảnh, và chuyên bốc xếp hàng hóa. Máy móc, thiết bị hầu hết đều lạc hậu, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất của Công ty.

8.1.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty chưa có hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ mới.

8.1.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Công ty chưa có bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm và hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.

8.1.7 Hoạt động Marketing

Công ty chưa triển khai hoạt động Marketing, do từ trước đến nay các hoạt động sản xuất kinh doanh phần lớn để phục vụ các đơn vị lâm nghiệp của Tổng Công ty. Các hợp đồng chủ yếu do phía Tổng Công ty điều phối thực hiện, nên mảng Marketing chào mời dịch vụ sản phẩm chưa được chú trọng.

8.1.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Công ty không có nhân hiệu thương mại, logo đã đăng ký bản quyền.

8.1.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Sản phẩm - Dịch vụ	Đối tác trong hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Số LS/KNE08-2010	Hợp đồng nguyên tắc	Thuê văn phòng	Công ty Keangnam Enterprises,Ltd. - thầu chính gói thầu A4 dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào cai	40 tháng kể từ 20/8/2010
2	Số 407-HĐGVN- XNVT.PT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng kinh tế về bốc xếp hàng hoá	Tổng công ty Giấy Việt Nam	Từ 25/6/2013- 25/6/2014
3	Số 11/HD.DVBDHH- A	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng về bốc xếp hàng hoá	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật tổng hợp CVP	Từ 25/6/2013 - 25/6/2014
4	Số 10/HĐ.DVBDHH- A	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng về bốc xếp hàng hoá	Doanh nghiệp tư nhân Việt Anh	Từ 25/6/2013 - 25/6/2014
5	Số 29/2013/HĐKT- GHVT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng vận chuyển	Công ty cổ phần giấy Hoàng Văn thụ	Từ 01/1/2013 - 31/12/2013

6	Số 277/HĐ-GVN- XNBD.PT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng cung cấp phụ tùng, vật tư thiết bị cho sửa chữa xe	Tổng công ty Giấy Việt Nam	Từ 29/3/2013 - 31/12/2013
7	Số 16/HĐ-MBDG- 2013	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng mua bán dăm gỗ	Công ty cổ phần TM Lương Sơn	Từ 25/3/2013 - 31/12/2013
8	Số 17/HĐ /CPC	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng mua bán dăm gỗ	Công ty Chế biến và Xuất nhập khẩu dăm mảnh	Từ 22/3/2013 - 31/12/2013
9	Số 07A/HĐKT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng cung cấp phụ tùng, vật tư thiết bị cho sửa chữa xe	Cửa hàng cơ khí Huy Bình	Từ 01/4/2013 - 31/12/2013
10	Số 12B/HĐKT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng mua bán dăm gỗ	Nguyễn Ngọc Thạch	Từ 01/8/2013 đến khi thanh lý hợp đồng
11	Số 46/HĐ-GVN- TT.PT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng phân phối sản phẩm	Tổng công ty Giấy Việt Nam	Từ 04/1/2013 - 31/12/2013

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Chú thích: Hợp đồng nguyên tắc được tính trên cơ sở khối lượng và đơn giá thỏa thuận với đối tác là các Công ty lâm sản thuộc tổng Công ty Giấy Việt nam. Giá trị hợp đồng được tính toán theo thực tế phát sinh.

8.2 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng 9: Kết quả kinh doanh 2011-2013

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng giá trị tài sản	VNĐ	15.631.370.064	14.920.764.816	15.086.147.592
Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	VNĐ	14.549.463.498	14.101.933.517	12.817.852.050
Nợ vay ngắn hạn	VNĐ	957.236.566	818.831.299	2.236.386.450
Trong đó nợ quá hạn		-	-	-

Nợ vay dài hạn	VNĐ	124.670.000	-	31.909.092
Trong đó nợ quá hạn		-	-	-
Nợ phải thu khó đòi	VNĐ	-	-	-
Tổng số lao động	Người	73	58	52
Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng/tháng	2.900.000	3.000.000	3.400.000
Tổng doanh thu	VNĐ	15.235.558.532	14.716.118.280	31.662.278.458
Tổng chi phí	VNĐ	15.404.962.611	16.100.047.139	31.918.678.054
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	8.037.819	(439.492.162)	8.821.099
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	8.037.819	(439.492.162)	8.821.099
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	0,06	-3,12	0,07

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011-2012 và BCTC năm 2013

Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu tài chính	2011	2012	2013
Khả năng thanh toán			
Thanh toán hiện hành	7,65	8,69	3,48
Thanh toán nhanh	7,36	7,52	3,31
Thanh toán tiền mặt	4,35	0,75	0,02
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,55%	3,93%	5,35%
Tỷ suất lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	0,05%	-6,47%	-0,06%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	0,05%	-2,99%	0,03%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	0,05%	-2,95%	0,06%
Lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,06%	-3,12%	0,07%
Hệ số nợ			
Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	93,1%	94,5%	84,96%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2011-2012 và BCTC năm 2013

Công ty duy trì được khả năng thanh toán tốt, nhờ lượng tiền mặt lớn và không vay nợ ngân hàng. Khả năng sinh lời của Công ty rất hạn chế, năm 2012 và năm 2013 tỷ suất lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đều giảm do giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng. Các chỉ số tỷ suất lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) từ năm 2012 ghi nhận âm, tuy nhiên năm 2013 các tỷ số này đã được cải thiện.

8.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Nhân tố chủ quan

- Doanh nghiệp chưa tự chủ trong hoạt động kinh doanh khi điều kiện thị trường thay đổi, vẫn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Tổng công ty về công việc.
- Quy mô vốn của Công ty nhỏ, tài sản ít giá trị, do đó khả năng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư.
- Công ty chưa xác định được hướng đi đúng đắn trong dài hạn; các mảng sản xuất kinh doanh vẫn mang tính nhỏ lẻ, dàn trải, kéo theo đó nguồn lực cũng bị sử dụng phân tán và chưa hiệu quả.
- Lao động không tập trung tại một địa bàn, mà rải rác ở nhiều địa phương lân cận, khiến việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và tiết giảm chi phí quản lý của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Nhân tố khách quan

- Ngành nghề sản xuất giấy vờ và vận tải gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, do đó hoạt động này suy giảm mạnh trong các năm 2011, năm 2012, và 9 tháng năm 2013.
- Tốc độ tăng mạnh về số lượng của các doanh nghiệp sản xuất dăm gỗ và sự không tự chủ về vùng nguyên liệu khiến mảng sản xuất và chế biến dăm gỗ của Công ty giảm sút về biên lợi nhuận.
- Sự hỗ trợ của Tổng công ty có xu hướng giảm, đặt ra yêu cầu Công ty phải tự chủ nhiều hơn.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của công ty trong ngành

Công ty có quy mô hoạt động nhỏ, cơ sở vật chất chưa được chú trọng đầu tư, theo đó năng lực cạnh tranh trên thị trường còn yếu. Cụ thể, khả năng cạnh tranh của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản được đánh giá như sau:

<u>Điểm mạnh</u>	<u>Điểm yếu</u>
Có lợi thế là địa bàn hoạt động gần khu nguyên liệu giấy, theo đó có thể tiết giảm chi phí; Có sự hỗ trợ từ Tổng công ty.	Công ty chưa linh hoạt trong kinh doanh, chưa xác định được ngành nghề kinh doanh lõi; Lao động chủ yếu có trình độ thấp, khó có

	khả năng thích ứng với lĩnh vực kinh doanh mới; Trình độ công nghệ chưa phát triển.
<u>Cơ hội</u> Chính sách ưu tiên phát triển lâm nghiệp của Nhà nước sẽ giúp gia tăng diện tích rừng trồng của Việt Nam, ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho Công ty; Cổ phần hóa là cơ hội để doanh nghiệp có thể được bổ sung thêm nguồn lực từ bên ngoài, tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh.	<u>Thách thức</u> Công ty cần phải định hướng lại ngành nghề sản xuất kinh doanh cho phù hợp và hiệu quả; Cổ phần hóa công ty đồng nghĩa với việc doanh nghiệp sẽ không nhận được nhiều hỗ trợ từ Tổng công ty.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường chung trong nước:

Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020 đặt mục tiêu về thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,24 triệu ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp, nâng tỷ lệ đất có rừng lên 47% vào năm 2020.

Phú Thọ có đến 55,3% diện tích là đất lâm nghiệp, trong đó 144.710 ha là đất rừng sản xuất. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 gồm 60.000 ha nguyên liệu gỗ nhỏ, nguyên liệu giấy và 51.413 ha rừng tự nhiên và nguyên liệu khác.

Các nhà máy sản xuất dăm gỗ lớn trong địa bàn tỉnh Phú Thọ thuộc Công ty Giấy Bãi Bằng (trực thuộc Vinapaco), công ty MIKO. Hiện các nhà máy này đang gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguyên liệu do năng suất thiết kế tăng quá nhanh so với quy hoạch nguồn rừng sản xuất của tỉnh. Rất ít doanh nghiệp có vùng nguyên liệu, chủ yếu thu mua rừng của nông dân trồng. Nguồn nguyên liệu không có đủ khả năng cung cấp cả về ngắn hạn lẫn dài hạn, do đó các nhà máy tại Phú Thọ ngoài thu mua gỗ tại địa phương còn thu mua gỗ từ các tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, Sơn La. Nhìn dài hạn, ngành dăm gỗ không có triển vọng bền vững.

Trong khi tài nguyên gỗ ngày càng trở nên thiếu hụt so với nhu cầu, thực trạng khai thác và chế biến gỗ của Việt Nam vẫn đang ở mức hạn chế. Trong khai thác, tỷ lệ lợi dụng gỗ chỉ đạt mức 30-35% thể tích thân cây. Phần lớn các khối gốc, rễ, cành, ngọn lá, cây sâu bệnh được bỏ lại trong rừng, theo đó, một lượng lớn phế liệu gỗ chưa được sử dụng hợp lý trong việc sản xuất dăm gỗ, gây lãng phí lớn về tài nguyên gỗ. Bên cạnh đó, trình độ kỹ thuật, công nghệ khai thác chế biến gỗ của Việt Nam còn lạc hậu, theo phương pháp thủ công, các cơ sở chế biến nhỏ lẻ, manh mún, mức độ cơ giới hóa, tự động hóa chưa cao. Ngoài ra, quá trình vận chuyển, lưu bãi chưa tốt cũng làm gỗ phế liệu bị thất thoát do suy giảm chất lượng vì nấm mốc, côn trùng phá hoại.

Triển vọng ngành:

Nhu cầu tiêu thụ của dăm gỗ của thế giới ngày càng lớn, theo đó đầu ra tương đối được đảm bảo: Nhu cầu dăm gỗ xuất phát từ nhiều ngành như xây dựng, trang trí nội thất, giấy, phụ gia sản xuất, năng lượng tái sinh. Mặc dù nhiều ngành bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế, ngành dăm gỗ lại được vực dậy bởi sự đầu tư mạnh cho ngành bột gỗ của các nước Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ. Đặc biệt, lượng cầu dăm gỗ thế giới dự báo sẽ tăng mạnh trong năm 2015 chủ yếu nhờ sự phát triển của ngành bột giấy tại Nhật Bản, Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện nay Nhật Bản và Trung Quốc chiếm đến 83% tổng giá trị giao dịch dăm gỗ thế giới. Theo đó, triển vọng trong tương lai của ngành có nhiều điểm sáng.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Thuế xuất khẩu ngành hiện nay là 0%, tiêu thụ nội địa không chịu thuế giá trị gia tăng (VAT), không bị áp hạn ngạch xuất nhập khẩu.

Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới tiếp tục phát triển hoạt động trong lĩnh vực chế biến dăm gỗ, là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, cũng như chủ trương phát triển nông lâm nghiệp của Việt Nam.

VI. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**
- Tên tiếng Anh: Forest Products Processing, Transport, Trade Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CTCP Vận tải và Chế biến Lâm sản
- Trụ sở: Phố Phú Hà - Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 0210 3713941
- Fax: 0210 3713964
- Email: chebienlamsan.08@gmail.com

2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.

3. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

- Thu mua nguyên liệu giấy;
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm về giấy;
- Chế biến gỗ, sản xuất ván dăm ép, dăm mảnh, xén kẻ giấy;
- Chế biến sản xuất viên năng lượng;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải, vật tư) đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải);
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe máy (phương tiện thiết bị vận tải);

- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm vật tư xây dựng (thiết bị vệ sinh, xi măng, sắt thép, các loại gạch, cát...);
- Cho thuê văn phòng.

4. Cơ cấu tổ chức

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị

- o Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- o Số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự kiến là 05 thành viên (gồm Chủ tịch và 04 thành viên).

- Ban kiểm soát

- o Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- o Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến là 03 thành viên (gồm Trưởng ban và 02 thành viên).

- Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó giám đốc)

- o Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- o Giúp Giám đốc điều hành Công ty có các Phó Giám đốc;
- o Số lượng Ban Giám đốc dự kiến là 03 thành viên (gồm Giám đốc và 02 Phó giám đốc).

- Kế toán trưởng

- o Kế toán trưởng do Giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- o Kế toán trưởng giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

- Các phòng ban chức năng

- o **Phòng Tổng hợp:**

- ✓ Tham mưu giúp Giám đốc Công ty thực hiện các chức năng: Tổ chức lao động, tiền lương, hành chính, bảo vệ trật tự an ninh trong nội bộ Công ty, phân cấp quản lý cán bộ của Công ty;
 - ✓ Xây dựng các phương án, các văn bản quản lý về tổ chức, tham mưu cho Lãnh đạo về trình độ, phong cách, tình hình nhân lực của Công ty, áp dụng các biện pháp nhằm quản lý hiệu quả nguồn nhân lực và tiền lương;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch nhân lực, hướng dẫn thực hiện, tổng kết báo cáo quản trị nhân lực. Xây dựng và thực hiện các đề án, chương trình đào tạo nhân lực và cán bộ, phân cấp và quản lý cán bộ;
 - ✓ Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về chuyên môn nghiệp vụ, các phương án về chế độ, chính sách, sắp xếp lao động, định mức lao động, năng suất lao động, đơn giá tiền lương, chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động, chế độ hưu trí, thôi việc, đảm bảo an toàn về mặt xã hội và luật pháp cho người lao động;
 - ✓ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, công cụ, phương tiện và điều vận phương tiện thuộc lĩnh vực hành chính, quản lý con dấu, công văn, giấy tờ của Công ty theo quy trình, quy phạm quản lý hành chính nhà nước;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch huấn luyện và quản lý lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng bảo vệ trong toàn Công ty.
- **Phòng Tài chính - Kế toán:**
- ✓ Tham mưu giúp Giám đốc Công ty về việc thực hiện các chế độ tài chính của Nhà nước;
 - ✓ Tổ chức hạch toán, kế toán, quản lý và sử dụng các nguồn lực vào sản xuất kinh doanh;
 - ✓ Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả;
 - ✓ Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và Nhà nước về tính pháp lý, tính chính xác của toàn bộ hoạt động kế toán tài chính theo pháp luật kế toán thống kê của Nhà nước;
 - ✓ Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, quyết toán, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ và đúng quy định của Nhà nước;
 - ✓ Phối hợp với các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch năm, dài hạn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - ✓ Kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, thu chi, sử dụng các loại quỹ, vốn (đặc biệt bằng tiền) và hệ thống tài sản cố định của toàn Công ty;
 - ✓ Phổ biến hướng dẫn kịp thời các chính sách, chế độ mới về quản lý tài chính, hạch toán kế toán của Nhà nước đến các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty;

- ✓ Xây dựng và kiểm soát việc thực hiện các định mức chi phí sản xuất trong toàn Công ty trên cơ sở chính sách, chế độ Nhà nước ban hành;
 - ✓ Lập và giao kế hoạch chi phí sản xuất hàng năm cho các đơn vị trực thuộc Công ty;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc thu nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước.
- **Phòng Kế hoạch -Kỹ thuật:**
- ✓ Về kế hoạch:
 - Tham mưu giúp Giám đốc Công ty xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch tổng hợp về sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả;
 - Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định, kế hoạch vật tư chủ yếu, kế hoạch đầu tư các dự án đầu tư nâng công suất thiết bị của Công ty theo kế hoạch hàng năm và chiến lược dài hạn của Công ty;
 - Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản đối với các đơn vị trong toàn công ty. Có trách nhiệm thẩm định dự toán, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, các dự án đầu tư của Công ty theo đúng quy định của nhà nước;
 - Lập kế hoạch mua sắm vật tư, nguyên, nhiên liệu theo hàng tháng, quý, năm đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn Công ty; tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm về chất lượng vật tư mua vào, quản lý và kiểm soát hệ thống kho, bãi vật tư, cấp phát vật tư, theo dõi và tổng hợp báo cáo tình hình cung cấp, sử dụng vật tư của toàn Công ty theo định kỳ;
 - Quản lý, điều hành các phương tiện xe ô tô của Công ty phục vụ việc chuyên chở vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Khai thác, nghiên cứu tìm kiếm nguồn hàng và các nhà cung cấp ổn định, có chất lượng, giá cả phù hợp đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - ✓ Về kỹ thuật:
 - Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các quy trình công nghệ sản xuất, công tác khoa học - kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của Công ty;
 - Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật nội bộ, xử lý sự cố hệ thống đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Thị trường:**
- ✓ Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện chiến lược thị trường và định hướng bán hàng;

- ✓ Quản lý theo dõi tiêu thụ các sản phẩm giấy vở, dăm mảnh, việc cung cấp dịch vụ vận tải, công tác chăm sóc phát triển khách hàng của Công ty;
- ✓ Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm dăm mảnh, giấy vở, cung cấp dịch vụ vận tải; kế hoạch và định hướng phát triển khách hàng theo các chương trình dài hạn, ngắn hạn, theo quý, năm cho Công ty;
- ✓ Tổng hợp và lập báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu lợi nhuận, hiệu quả kinh doanh, khả năng tiết giảm chi phí, biên lợi nhuận của mảng kinh doanh theo định kỳ tháng, quý, năm;
- ✓ Theo dõi quy trình phát triển khách hàng, thẩm định hồ sơ khách hàng;
- ✓ Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thu về tài khoản của Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm;
- ✓ Tiếp nhận thông tin và xử lý các khiếu nại của khách;
- ✓ Nghiên cứu thị trường tiêu thụ viên năng lượng, lập và trình duyệt phương án đầu tư dự án, chiến lược mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm, quy trình giao tiếp và chăm sóc khách hàng.

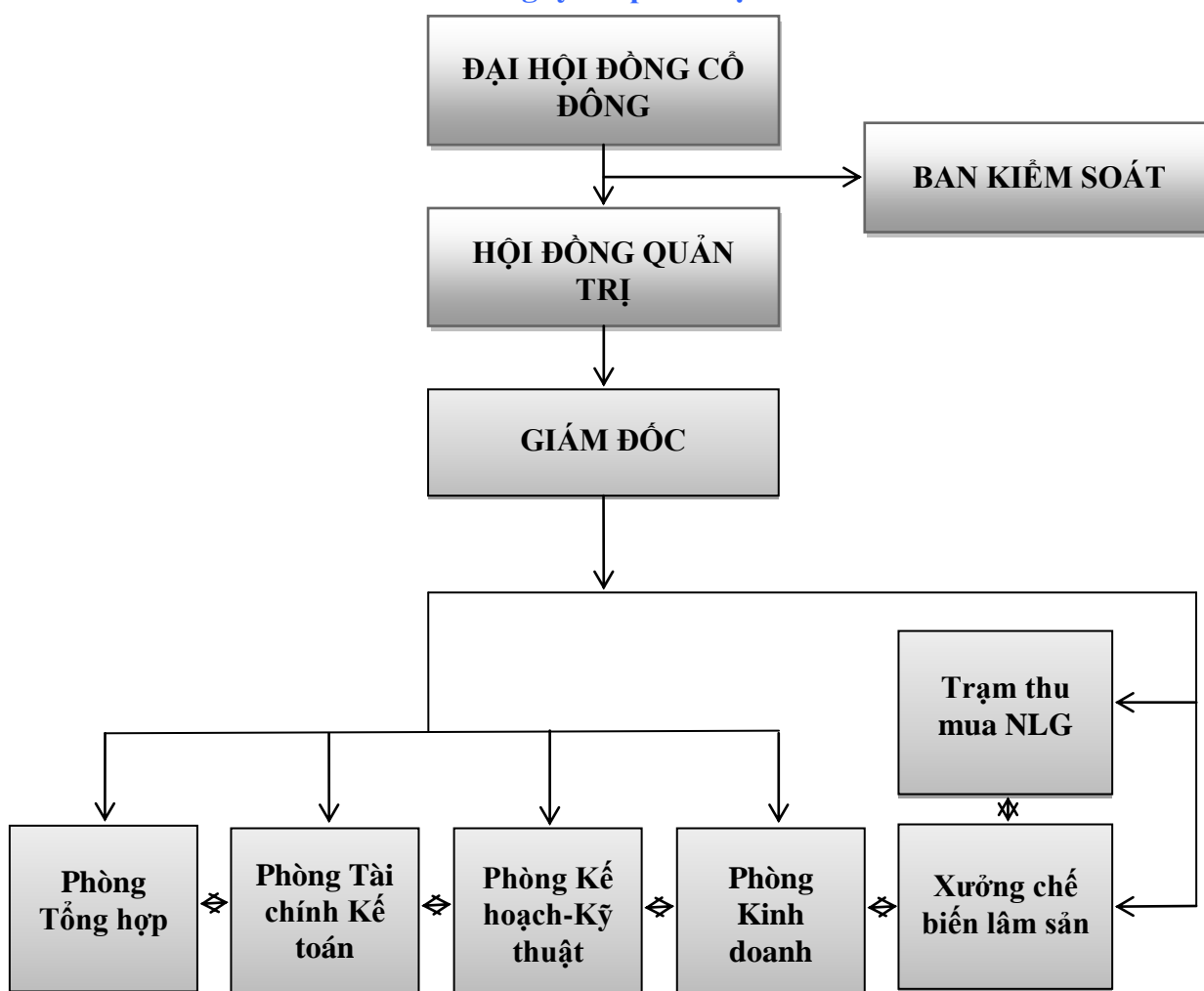
○ **Trạm thu mua NLG:**

- Giúp Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành và trực tiếp tổ chức thực hiện công tác thu mua và vận chuyển nguyên liệu giấy theo phương án kinh doanh được Công ty duyệt;
- Xây dựng phương án kinh doanh của đơn vị, tổ chức thực hiện phương án sau khi được Công ty duyệt đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, cụ thể:
 - Thu mua nguyên liệu giấy bán cho Công ty Giấy Bãi Bằng và các đơn vị có nhu cầu mua theo hợp đồng Công ty đã ký với các đơn vị;
 - Tổ chức vận tải nguyên liệu giấy cho các lâm trường trong Tổng công ty Giấy Việt Nam về giao cho Công ty Giấy Bãi Bằng và các đơn vị có hợp đồng dịch vụ vận chuyển với Công ty;
 - Quản lý toàn bộ hàng hóa khi tiếp nhận vận chuyển cho các đơn vị về nơi giao nhận đầy đủ, đúng chủng loại.
- ✓ Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật Nhà nước nếu để xảy ra mất mát, hao hụt hàng hóa thất thoát vốn trong các khâu: Thu mua, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ hàng hóa lâm sản của đơn vị;
- ✓ Sử dụng có hiệu quả vốn Công ty giao, bố trí hợp lý lực lượng lao động hiện có đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập ổn định;
- ✓ Tổ chức thực hiện công tác hạch toán nội bộ theo quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Giữ gìn bí mật Công ty, thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Thực hiện tốt các công việc khác do Giám đốc Công ty giao, chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật Nhà nước.

○ **Xưởng chế biến lâm sản**

- ✓ Chủ động xây dựng các phương án kinh doanh của đơn vị, tổ chức thực hiện phương án sau khi được Công ty duyệt đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, cụ thể:
 - Tổ chức thu mua, tiêu thụ nguyên liệu theo kế hoạch và hợp đồng của Công ty đã ký với các đơn vị;
 - Tổ chức vận chuyển dịch vụ NLG cho các đơn vị theo nhu cầu của thị trường trên cơ sở hợp đồng của Công ty;
 - Tổ chức gia công, chế biến gỗ, dăm và tiêu thụ cho khách hàng theo hợp đồng của Công ty;
 - Tổ chức giới thiệu sản phẩm giấy, chế biến và tiêu thụ sản phẩm giấy theo nhu cầu của thị trường trên cơ sở các hợp đồng của Công ty.
- ✓ Tổ chức công tác hạch toán nội bộ của đơn vị theo đúng các quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật Nhà nước nếu để xảy ra mất mát, hao hụt hàng hóa, tài sản; thất thoát vốn trong các khâu: Thu mua, vận tải, chế biến lâm sản và giấy của đơn vị;
- ✓ Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực Công ty giao; bố trí hợp lý lực lượng lao động hiện có đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập ổn định;
- ✓ Giữ gìn bí mật Công ty, thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật nhà nước;
- ✓ Phối hợp với phòng kinh doanh làm đầu mối liên hệ với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển mua bán nguyên liệu giấy, sản phẩm giấy để thực hiện hợp đồng Công ty đã ký với các đối tác.

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Lâm sản



Ghi chú: → Mối quan hệ chỉ đạo

↔ Mối quan hệ phối hợp

5. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

5.1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược

Công ty sẽ tiếp tục duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, chọn ngành kinh doanh có các đặc điểm: (i) có triển vọng tăng trưởng và tiềm năng sinh lời tốt, (ii) là lĩnh vực mà đơn vị có lợi thế cạnh tranh, (iii) là lĩnh vực phù hợp với chiến lược chung của Tổng công ty Giấy Việt Nam.

Theo đó, ngành nghề kinh doanh dự kiến của công ty sau cổ phần hóa gồm tiếp tục sản xuất và chế biến dăm gỗ trong giai đoạn 2014-2016, nghiên cứu chuyển hướng đầu tư sang sản xuất viên năng lượng từ sau năm 2016.

5.2. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa

a) Phân tích môi trường kinh doanh

- Môi trường kinh doanh:

- Tình hình chính trị của đất nước ổn định, tạo tiền đề thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư và tiếp thu công nghệ;

- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đang dần được hoàn thiện và dần phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, những thay đổi trong hệ thống chính sách pháp luật vẫn chưa theo kịp hoặc lờnng hết những biến động của thị trường, gây khó khăn trong việc đầu tư, tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Về dài hạn, đất nước vẫn đang trên đà phát triển nhưng ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu là không nhỏ, làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trong một vài năm tới;
 - Việt Nam đang chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thêm nhiều thuận lợi cho việc đổi mới phát triển kinh tế – xã hội với nhịp độ nhanh hơn. Việc gia nhập WTO sẽ đem lại cho nền kinh tế nước ta nói chung và ngành lâm nghiệp nói riêng không ít những cơ hội cũng như thách thức.
- Môi trường xã hội:
 - Nền kinh tế phát triển khiến thu nhập của đại bộ phận nhân dân tăng lên, theo đó đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện làm cho nhu cầu tiêu dùng chung trong toàn xã hội tăng;
 - Người tiêu dùng ngày càng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
 - Môi trường văn hóa xã hội có tiến bộ nhiều mặt, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt.
 - Môi trường công nghệ:
 - Mức độ chuyên môn hóa không cao, khả năng thay đổi hoặc chế tạo sản phẩm mới hạn chế;
 - Quy mô sản xuất của ngành vẫn ở mức trung bình, chưa tận dụng được tính kinh tế của quy mô sản xuất lớn.

b) Thuận lợi và khó khăn của Công ty sau cổ phần hóa

- Lĩnh vực sản xuất và chế biến dăm gỗ là một mảnh ghép hợp lý trong chiến lược chung của Tổng công ty: Sau cổ phần hóa, đơn vị vẫn sẽ là một công ty có quan hệ mật thiết với Tổng công ty Giấy Việt Nam, theo đó, việc tập trung vào mảng kinh doanh này có liên quan đến ngành nghề kinh doanh và chiến lược chung của Tổng công ty là cần thiết và phù hợp;
- Địa bàn hoạt động trong vùng nguyên liệu: Công ty có địa bàn hoạt động tại tỉnh Phú Thọ, là vùng nguyên liệu gỗ lớn và có nguồn gốc tốt của cả nước, ngoài ra các tỉnh lân cận như Yên Bái, Tuyên Quang cũng sở hữu diện tích rừng lớn. Theo đó, doanh nghiệp giữ lợi thế về việc ở gần vùng nguyên liệu, có sự thuận tiện trong việc thu mua, chế biến gỗ và vận chuyển đến khách hàng;
- Nhu cầu tiêu thụ của dăm gỗ của thế giới ngày càng lớn, theo đó đầu ra tương đối được đảm bảo trong ngắn hạn: Nhu cầu dăm gỗ xuất phát từ nhiều ngành như xây dựng, trang trí nội thất, giấy, phụ gia sản xuất, năng lượng tái sinh;

- Công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh này: Cán bộ nhân viên công ty có kinh nghiệm trong việc kiểm định thu mua gỗ có chất lượng, kiểm soát được nguồn gốc xuất xứ các loại gỗ, theo đó giảm thiểu mức rủi ro trong việc hàng bán bị trả lại, giữ uy tín với các đơn vị thu mua;
- Lĩnh vực này đang được hưởng một số ưu đãi của nhà nước: Thuế xuất khẩu hiện nay là 0%, tiêu thụ nội địa không chịu thuế giá trị gia tăng (VAT), không bị áp hạn ngạch xuất nhập khẩu.

Tuy nhiên, Công ty cũng nhận thấy có rất nhiều khó khăn mà ngành dăm gỗ sẽ phải đối mặt trong dài hạn, cụ thể:

- Nguồn cung dăm gỗ suy giảm do thiếu hụt nguyên liệu trong khi công suất ngành hiện đã quá lớn: Khả năng xoay vòng chu kỳ thu hoạch của nông dân Việt Nam chưa tốt, thời tiết bất ổn nguồn cung gỗ thường xuyên bị biến động, chất lượng gỗ không được đảm bảo. Cùng với việc tăng trưởng nhanh và nóng trong thời gian qua, tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ ngày càng tăng trong thời gian tới;
- Doanh nghiệp không sở hữu vùng nguyên liệu: Do Công ty không có vùng nguyên liệu riêng, doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo tỷ suất lợi nhuận kinh doanh, do giá thu mua nguyên liệu sẽ biến động theo cung cầu thị trường, việc duy trì nguồn đầu vào cũng bị ảnh hưởng theo chu kỳ thu hoạch và nhu cầu của các đơn vị cạnh tranh;
- Thị trường tiêu thụ dăm mảnh tập trung và phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc (70-80%) và khó mở rộng thị trường khác. Chất lượng dăm gỗ Việt Nam còn kém, không đồng đều và chưa có các chứng nhận kiểm soát nguồn gốc, chất lượng nên giá thường xuyên bị ép và cũng khó thâm nhập các thị trường khó tính;
- Triển vọng dài hạn phụ thuộc vào việc cấu trúc, quy hoạch và phát triển của ngành: Ngành dăm gỗ đã phát triển nhanh và nóng trong thời gian qua dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu. Do đó trong thời gian tới ngành cần phải được tái cấu trúc hoạt động của các doanh nghiệp, quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu. Bên cạnh đó, Nhà nước định hướng ngành gỗ phải đi sâu vào chế biến, xuất khẩu các sản phẩm sau dăm gỗ.

Vì lý do trên, để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty tiếp tục lấy ngành sản xuất và chế biến dăm gỗ là lĩnh vực kinh doanh chính trong ngắn hạn (giai đoạn 2014-2016), nhưng song song với việc này, công ty đồng thời nghiên cứu chuyển hướng sang đa dạng hóa phạm vi và ngành nghề kinh doanh, thiết lập cơ sở khách hàng mới và mở rộng thị trường tiêu thụ. Trong dài hạn, Công ty nhận thấy (i) Sản xuất viên năng lượng là một lĩnh vực còn mới ở Việt Nam, có triển vọng, phù hợp với yêu cầu xã hội và năng lực của Công ty, có thể là một hướng đi phù hợp, và (ii) Việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh dịch vụ lưu trú, thương mại là cần thiết để khai thác lợi thế quỹ đất mà công ty đang sở hữu tại Thị xã Phú Thọ.

c) Kế hoạch doanh thu chi phí 3 năm sau cổ phần hóa

Bảng 11: Dự kiến kết quả kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Vốn điều lệ	10 ⁶ đồng	14.810	16.500	16.500
2	Tổng doanh thu	10 ⁶ đồng	62.752	69.202	71.352
3	Tổng chi phí	10 ⁶ đồng	61.693	68.053	70.173
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	1.059	1.149	1.179
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	826	895	919
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	5,6	5,4	5,6
7	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	5,0	5,0	5,0
8	Tổng lao động bình quân	người	50	50	50
9	Tổng quỹ lương	10 ⁶ đồng	3.000	3.360	3.600
10	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)		5	5,6	6

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Sau khi cổ phần hóa, Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản sẽ tập trung phát triển mảng sản xuất và tiêu thụ dăm (sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty). Định hướng trong tương lai sản phẩm chủ lực của Công ty sẽ là viên năng lượng. Với lợi thế cạnh tranh của mình, Công ty hoàn toàn có thể tin tưởng vào đầu ra cũng như hiệu quả kinh doanh do sản phẩm này mang lại trong giai đoạn sắp tới.

Kế hoạch kinh doanh cụ thể của Công ty qua các năm 2014-2016 như sau:

Năm 2014:

Đvt: nghìn đồng

T	Sản phẩm	Đvt	Sản lượng	Đơn giá	Doanh thu	Chi phí	LNTT
1	Sản xuất và tiêu thụ dăm	Tấn	25.000	2.150	53.750.000	52.965.550	784.450
2	Dịch vụ vận tải bốc dỡ	Ka	700	4.000	2.800.000	2.660.000	140.000
3	Sản xuất và tiêu thụ vớ học sinh	Tấn	150	26.677	4.001.530	3.894.126	107.404
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí	Đồng		-	400.000	400.000	-
5	Dịch vụ tiêu thụ giấy chế biến	Tấn	90	20.000	1.800.000	1.773.000	27.000

	Tổng cộng				62.751.530	61.692.676	1.058.854
--	------------------	--	--	--	-------------------	-------------------	------------------

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Năm 2015:

Đvt: nghìn đồng

T	Sản phẩm	Đvt	Sản lượng	Đơn giá	Doanh thu	Chi phí	LNTT
1	Sản xuất và tiêu thụ dăm	Tấn	28.000	2.150	60.200.000	59.321.416	878.584
2	Dịch vụ vận tải bốc dỡ	Ka	700	4.000	2.800.000	2.660.000	140.000
3	Sản xuất và tiêu thụ vở học sinh	Tấn	150	26.677	4.001.530	3.894.126	107.404
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí	Đồng		-	400.000	400.000	-
5	Dịch vụ tiêu thụ giấy chế biến	Tấn	90	20.000	1.800.000	1.777.458	22.542
	Tổng cộng				69.201.530	68.053.000	1.148.530

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Năm 2016:

Đvt: nghìn đồng

T	Sản phẩm	Đvt	Sản lượng	Đơn giá	Doanh thu	Chi phí	LNTT
1	Sản xuất và tiêu thụ dăm	Tấn	29.000	2.150	62.350.000	61.440.038	909.962
2	Dịch vụ vận tải bốc dỡ	Ka	700	4.000	2.800.000	2.660.000	140.000
3	Sản xuất và tiêu thụ vở học sinh	Tấn	150	26.677	4.001.530	3.894.126	107.404
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí	Đồng		-	400.000	400.000	-
5	Dịch vụ tiêu thụ giấy chế biến	Tấn	90	20.000	1.800.000	1.778.836	21.164
	Tổng cộng				71.351.530	70.173.000	1.178.530

5.3. Biện pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2014-2016 đã đề ra, Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản đưa ra 06 nhóm giải pháp gồm:

a) Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh tập trung vào các sản phẩm và dịch vụ truyền thống đã thực hiện trong những năm vừa qua;
- Tiếp tục giữ vững và phát triển các thị trường truyền thống là sản xuất và chế biến dăm mảnh, mở rộng hợp tác với các đối tác nhà cung cấp và khách hàng tiềm năng;
- Từng bước tiếp cận thị trường sản xuất chế biến sản phẩm viên năng lượng theo lộ trình;
- Tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng.

b) Nhóm giải pháp marketing

- Lựa chọn những hình thức quảng cáo phù hợp với quy mô Công ty;
- Bổ sung thêm ngân sách cho quảng cáo hàng năm, nâng tổng mức chi phí quảng cáo hàng năm bằng 2-3% tổng doanh thu.

Một số hình thức chính:

- Quảng cáo biển tấm lớn tại một số trung tâm, trục đường chính;
- Tạo lập website cho Công ty;
- Tham gia hội chợ chuyên ngành;
- Phát hành những ấn phẩm, tài liệu phục vụ công tác bán hàng và quảng bá;
- Tổ chức hội nghị khách hàng;
- Một số hình thức khác phù hợp từng thời điểm.

c) Nhóm giải pháp về đầu tư

Về ngành nghề kinh doanh:

Ngoài việc mở rộng và phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống theo các hướng chủ động vùng nguyên liệu, công ty cũng tìm kiếm cơ hội tham gia đầu tư cung cấp các loại hình dịch vụ khác, tận dụng lợi thế đang quản lý một số lô đất lớn có vị trí đẹp tại thị xã Phú Thọ.

Về máy móc thiết bị:

- o Tăng cường đầu tư chiều sâu có trọng điểm, xây dựng hệ thống nhà máy và máy móc phục vụ cho sản xuất chế biến dăm mảnh tại Phú Hà, Phú Thọ, khai thác tối đa năng lực thiết bị và công nghệ hiện có của công ty;
- o Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật thông tin, linh hoạt thay đổi công nghệ sản xuất phù hợp và yêu cầu phát triển nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Huy động vốn từ cán bộ công nhân viên, người lao động trong công ty và các nhà đầu tư để có cơ hội đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Bảng 12: Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị (giai đoạn 1)

TT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (nghìn đồng)
I	Xây dựng				
1	Đào hầm, đổ bê tông bệ máy				50.000
2	Nhà xưởng lợp tôn	m2	150	280	42.000
3	Sân nền bê tông	m2	150		30.000
II	Máy móc thiết bị				
1	Máy băm dăm loại 6 dao		02	160.000	320.000
2	Sàng rung		01	80.000	80.000
3	Băng tải (loại 0,8m)	m	40	4.500	180.000
4	Máy bóc vỏ 1 lô loại dài		01	120.000	120.000
5	Máy mài dao		01	25.000	25.000
6	Cầu cân 80 tấn		01	150.000	150.000
7	Chi phí lắp đặt máy				30.000
	Tổng đầu tư				1.027.000

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Bảng 13: Kế hoạch đầu tư sản xuất viên năng lượng (giai đoạn 2)

TT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Thành tiền (nghìn đồng)
I	Xây dựng	m2	10.000	
1	Nhà thép tiền chế chứa máy móc	m2	1.200	2.000.000
2	Nhà thép tiền chế nguyên liệu thành phẩm	m2	1.200	2.000.000
3	Nhà nghỉ công nhân	m2	300	1.000.000
4	Canteen	m2	300	1.000.000
5	Cảnh quan, khu vực chung		01	200.000
II	Máy móc thiết bị			
1	Hệ thống dây chuyền sản xuất			6.780.000
1.1	Hệ thống băm dăm gỗ	HT	01	
1.2	Hệ thống nghiền mùn cưa	HT	01	
1.3	Hệ thống sấy	HT	01	
1.4	Máy nén viên gỗ	HT	02	

1.5	Hệ thống làm mát	HT	01	
1.6	Hệ thống đóng bao bì	HT	01	
1.7	Hệ thống điều khiển	HT	01	
1.8	Băng chuyên, vít tải, khác	HT	01	
2	Xe tải	chiếc	01	1.000.000
3	Xe nâng	chiếc	01	100.000
4	Trạm cân điện tử	trạm	01	120.000
5	Máy biến áp 560 KVA	trạm	01	1.000.000
6	Hệ thống PCCC	HT	01	60.000
	Tổng đầu tư			15.260.000

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

d) Nhóm giải pháp về vốn, tài chính

- Sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh:

- Sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả;
- Quản lý vốn chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các chi phí đầu vào, quản lý tốt công tác tiêu thụ sản phẩm, chống thất thoát vốn;
- Khai thác tốt các hình thức huy động vốn, đảm bảo đủ vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
- Nâng cao doanh thu, lợi nhuận hàng năm của công ty, đảm bảo lợi ích tối đa và chi trả cổ tức thoả đáng cho các cổ đông;
- Công ty cần xây dựng giải pháp tài chính hợp lý, tăng nguồn vốn và phân đầu tham gia sàn giao dịch chứng khoán khi có đủ điều kiện.

Bảng 14: Nhu cầu vốn lưu động 3 năm 2014-2016

Đvt: nghìn đồng

TT	Năm	2014	2015	2016
1	Doanh thu	62.751.530	69.202.000	71.351.000
2	Số vòng quay vốn bình quân (lần)	6	6	6
3	Nhu cầu vốn lưu động	10.458.588	11.533.667	11.891.833
4	Vốn lưu động hiện có	5.056.239	5.056.239	5.056.239
5	Vốn lưu động cần bổ sung	5.402.350	6.477.428	6.835.595

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí:

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại;
- Sử dụng chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách hợp lý, hạn chế các chi phí gián tiếp không cần thiết;

- Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác. Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm;
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả;
- Rà soát bảo trì, bảo quản xe, thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị, không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa;
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chỉ tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

e) Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Bố trí, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với cơ chế chuyển đổi doanh nghiệp, phù hợp với năng lực, chuyên môn của người lao động;
- Gắn kết trách nhiệm và quyền lợi của người lao động một cách chặt chẽ;
- Có chế độ ưu đãi về thu nhập, sức khỏe, phúc lợi,... cho người lao động. Tạo điều kiện để người lao động gắn bó hơn với công ty, làm việc hiệu quả hơn;
- Có chính sách ưu đãi, khuyến khích, động viên những người có năng lực, có tâm huyết vì sự phát triển của công ty;
- Cải thiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, cơ chế khoán nhằm khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm tỷ lệ thất thoát.

f) Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:
 - Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Quan hệ nội bộ Công ty.
 - Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.
- Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:

- Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Công ty.

6. Vốn điều lệ công ty cổ phần

6.1. Căn cứ xác định vốn điều lệ

- Nhu cầu vốn của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản bao gồm nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư cơ bản sau cổ phần hóa nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cho giai đoạn sắp tới, cũng như tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Chiến lược sở hữu cổ phần của Nhà nước tại Công ty.
- Kế hoạch chào bán cổ phần của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản ra công chúng, CBCNV.

6.2. Quy mô vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 14.810.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần: 1.481.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản cho giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa (2014 – 2016) dự kiến như sau:

Bảng 15: Quy mô vốn điều lệ của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản giai đoạn 2014 – 2016

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Vốn điều lệ	14.810	16.500	16.500

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013, tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 14.810.321.300 đồng.

Với định hướng và kế hoạch kinh doanh cũng như phương án đầu tư giai đoạn 2014-2016, Công ty đã cân nhắc và quyết định mức vốn điều lệ cho năm 2014 là 14.810.000.000 đồng. Kế hoạch đầu tư của Công ty giai đoạn 2014-2016 cụ thể như sau:

- Tập trung vào mảng sản xuất và chế biến dăm gỗ, trên cơ sở đầu tư nâng gấp đôi công suất so với năm 2013 (dự kiến 12.000 tấn dăm khô) bằng việc bổ sung thêm 01 máy băm dăm loại 6 dao và các thiết bị đi kèm như băng tải, máy mài, cầu cân (xem thêm kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị sản xuất dăm mảnh).
- Các mảng hoạt động khác như vận tải, sản xuất giấy vờ, xưởng cơ khí chỉ mang tính phụ trợ và sẽ được thu hẹp dần để chuyển nguồn lực về mảng kinh doanh chính.
- Mở rộng nhà máy sản xuất dăm mảnh tại Phú Hà, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, hướng tới xây dựng thành cơ sở đầu tư sản xuất chế biến viên năng lượng.
- Đầu tư bổ sung nâng công suất máy móc thiết bị theo lộ trình.

6.3. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản dự kiến như sau:

Bảng 16: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Nhà nước	0	0	0,0%
2	CBCNV	77.800	778.000.000	5,3%
3	Nhà đầu tư bên ngoài	1.403.200	14.032.000.000	94,7%
	Tổng cộng	1.481.000	14.810.000.000	100,0%

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Ghi chú: Cơ cấu vốn xác định cuối cùng phụ thuộc vào quyết định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa, trên cơ sở quyết định về vốn điều lệ, cung cầu thị trường và số lượng mua thực tế của các nhà đầu tư nêu trên.

7. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

7.1. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản, tổng chi phí cổ phần hóa Công ty như sau:

Bảng 17: Chi phí cổ phần hóa

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí tập huấn nghiệp vụ cổ phần	5.000.000
2	Chi phí kiểm kê xác định giá trị doanh nghiệp	10.000.000

3	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ (theo giá trị hợp đồng)	20.000.000
4	Chi phí thuê tư vấn kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (theo giá trị hợp đồng)	90.500.000
5	Chi phí tổ chức Hội nghị người lao động bất thường để triển khai cổ phần hóa	5.000.000
6	Chi phí bán cổ phần lần đầu tại Công ty (gồm cả thuê Công ty chứng khoán tổ chức bán đấu giá phát hành cổ phiếu ra công chúng)	20.000.000
7	Chi phí hoạt động tuyên truyền, cáo bạch thông tin	15.000.000
8	Chi phí tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	9.500.000
9	Phụ cấp Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ giúp việc	20.000.000
10	Các chi phí khác liên quan đến việc cổ phần hóa Công ty	5.000.000
	Tổng cộng	200.000.000

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

7.2. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giả định tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá bình quân theo giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

Bảng 18: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	14.810.321.300
2	Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa	14.498.800.000
2.1	<i>Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước</i>	<i>466.800.000</i>
2.2	<i>Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài</i>	<i>14.032.000.000</i>
3	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBCNV, bán đấu giá ra bên ngoài	14.810.000.000

4	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	200.000.000
5	Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư	764.899.500
6	Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định(=1+2-3-4-5)	13.533.900.500

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Ghi chú: Các số liệu tính toán dựa trên giả định: các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần chào mua; giá đấu thành công bằng giá khởi điểm.

8. Rủi ro dự kiến

8.1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản nói riêng.

Rủi ro tăng trưởng và lạm phát

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong giai đoạn 2002-2007 duy trì ở mức 7,9%/năm. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam đã ở mức báo động. Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm khó lường, Việt Nam đã có chủ trương đúng về tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, bảo đảm tăng trưởng hợp lý. Nhờ các chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo cấp cao, lãnh đạo các ngành, địa phương tình trạng lạm phát được đánh giá đã được kiểm soát, giảm khá đều đặn từ 23% thời điểm tháng 8/2011 còn 5% thời điểm tháng 8/2012. Bước sang năm 2013, tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, điều chỉnh giảm lãi suất, đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu, sớm đưa VAMC – công ty mua bán nợ đi vào hoạt động, chủ động đưa ra các gói hỗ trợ lãi suất để hỗ trợ khu vực xây dựng và thị trường bất động sản ... mặc dù các điều kiện về tài chính toàn cầu đã và đang được cải thiện nhưng nhìn chung chưa phục hồi, tăng trưởng chậm và vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất lợi nên 6 tháng đầu năm 2013, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn. GDP 6 tháng đầu năm 2013 ước tăng 4,9% so với cùng kỳ 2012. Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2013 xấp xỉ mức tăng cùng kỳ 2012 (4,93%) nhưng thấp hơn nhiều mức tăng 6,22% của cùng kỳ 2010 và mức tăng 5,92% của cùng kỳ 2011. Theo đánh giá của một số chuyên gia kinh tế, mục tiêu tăng trưởng GDP 5,5% mà Việt Nam đặt ra là một thách thức lớn và khó hoàn thành. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2013 tăng 0,05% so với tháng trước. Lạm phát 6 tháng đầu năm nhìn chung không có biến động lớn. Riêng chỉ số giá mặt hàng lương thực và thực phẩm chỉ tăng vào 2 tháng đầu năm, các tháng sau có chỉ số giá giảm. CPI tháng 6/2013 tăng 2,4% so với tháng 12/2012 và tăng 6,69% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng 6,73% so với cùng kỳ năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong 6 tháng năm 2013, lãi suất huy động và cho vay đều ở xu hướng giảm mạnh. Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã có 3 lần điều chỉnh giảm lãi suất, ngày 26/3 giảm 1% các lãi suất chủ chốt, ngày 10/5 giảm tiếp 1% các lãi suất chủ chốt. Lãi suất huy động liên tục giảm do tín dụng tăng yếu, ngân hàng thừa vốn. Đến cuối tháng 6, lãi suất huy động kỳ hạn ngắn dao động từ 5% - 7%/năm, lãi suất kỳ hạn dài từ 7,1% - 10%/năm đang tạm thời giải quyết áp lực về chi phí sử dụng vốn cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện các doanh nghiệp hoạt động ổn định, lãi suất cho vay cũng cần phải được ổn định lâu dài như hiện nay. Như vậy, trong một nền kinh tế chưa phục hồi, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp.

8.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty hoạt động theo hình thức Công ty 100% vốn Nhà nước, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam, cụ thể:

- Chính sách ưu đãi đầu tư;
- Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện;
- Luật kinh doanh gỗ và lâm sản và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh gỗ và lâm sản;
- Luật Lao động, Luật Dân sự và các hướng dẫn thi hành luật.

Trước đây hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật và chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi chưa đạt hiệu quả cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn. Khi trở thành thành viên của WTO kể từ tháng 11/2007, Việt Nam phải tuân theo luật chung và chấp nhận các thay đổi về chính sách thuế xuất nhập khẩu với những ưu đãi về thuế quan theo những cam kết của Việt Nam khi tham gia và ký kết những hiệp định chung về thương mại.

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta đã dần hoàn thiện và luôn được thay đổi cho phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này còn phải tiếp tục điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới.

8.3. Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường là một quy luật tất yếu không thể tránh khỏi, đặc biệt trong tình hình nước ta đã gia nhập WTO, sự cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành trong và ngoài nước về sản phẩm kinh doanh, giá cả, thị phần, công nghệ chế biến... ảnh hưởng đến việc kinh doanh chung của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản. Đặc biệt, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này đang tăng dần theo thời gian cũng như sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các công ty có truyền thống và tiềm lực mạnh về quản lý, công nghệ và trình độ nhân lực.

8.4. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mỗi quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đấu giá.

8.5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

9. Thay lời kết

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

Phú Thọ, ngày ___ tháng ___ năm 2014

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

(Đã ký)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Đã ký)

TRINH QUỐC LONG

ĐỖ THỊ BÍCH LAN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHTMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
(Đã ký)